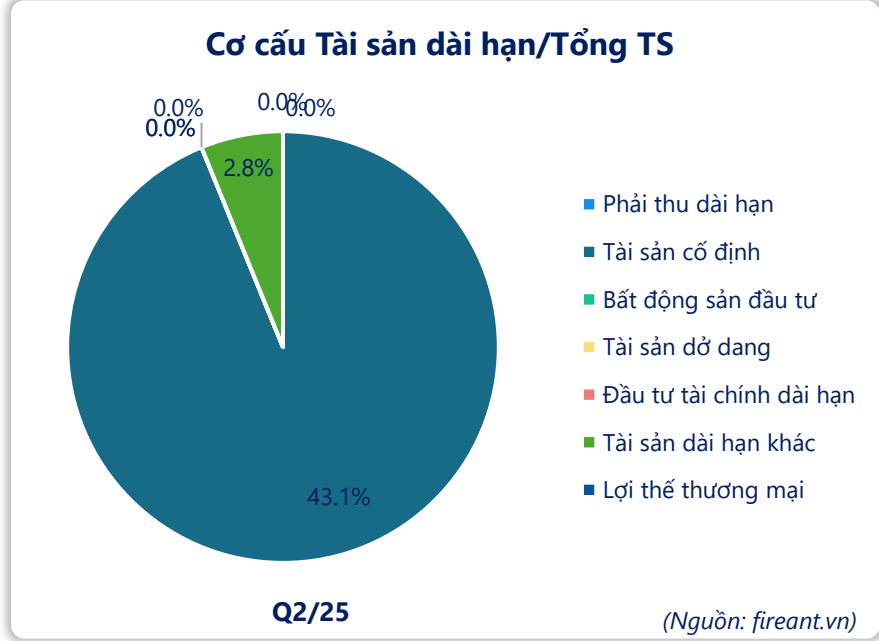
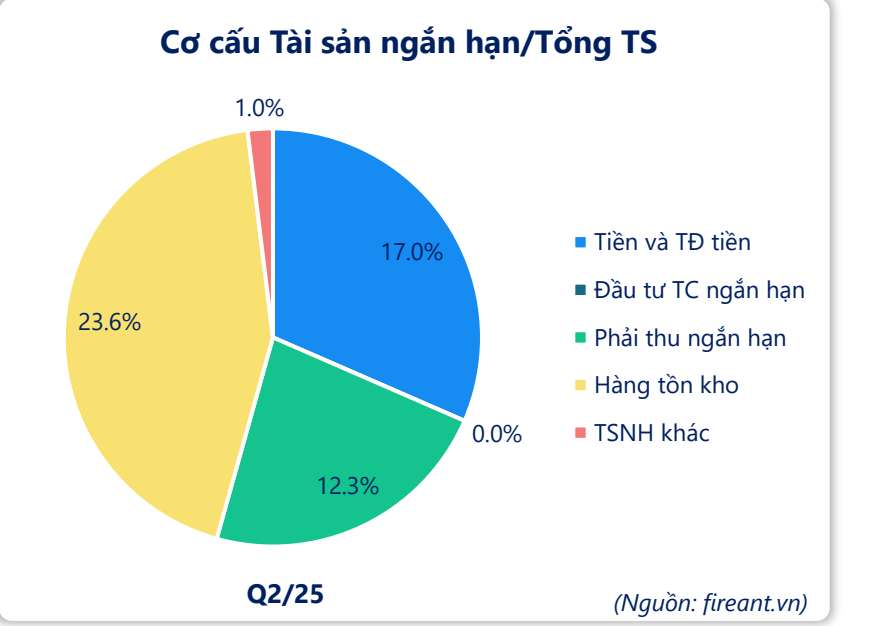
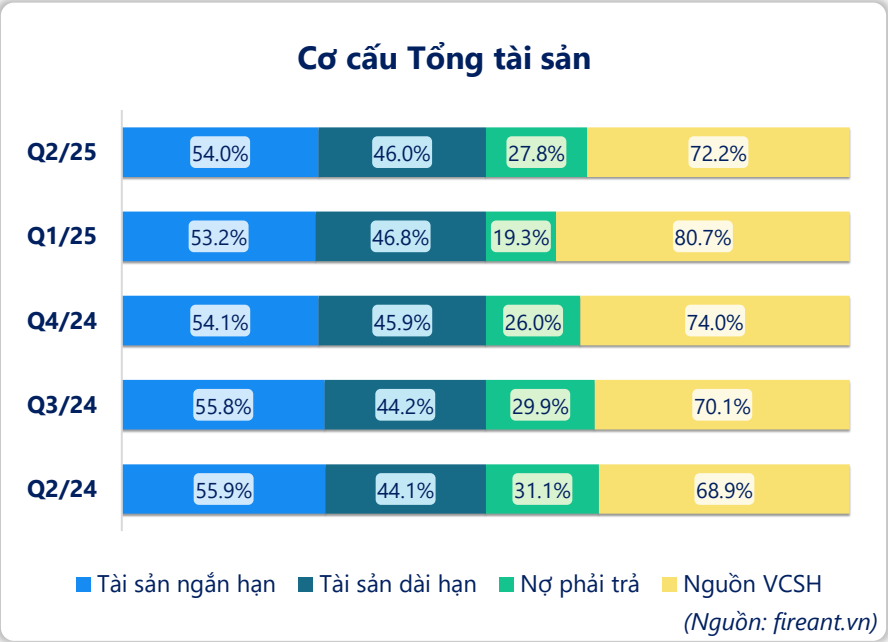
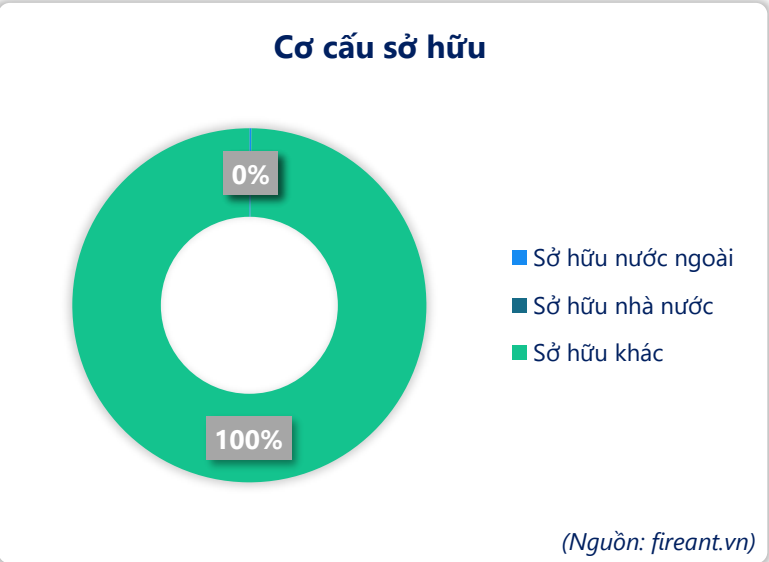
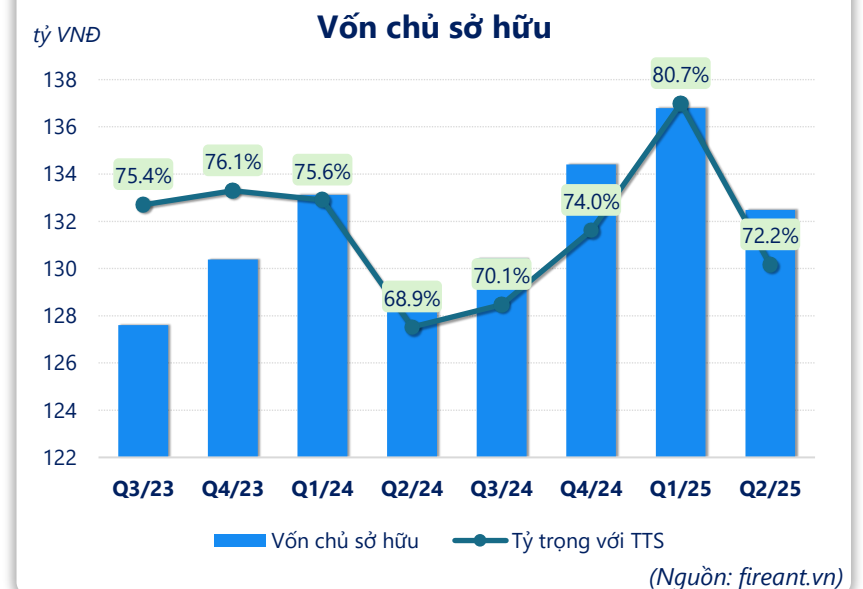
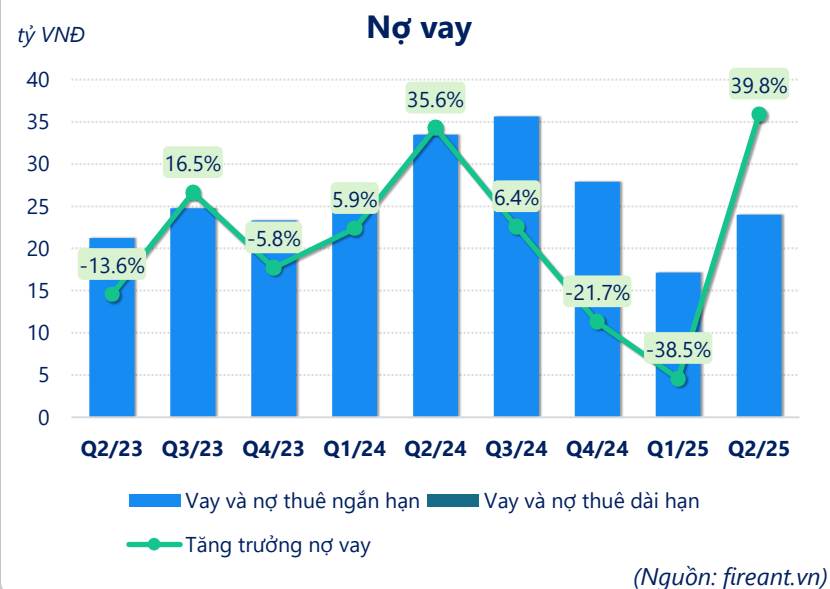
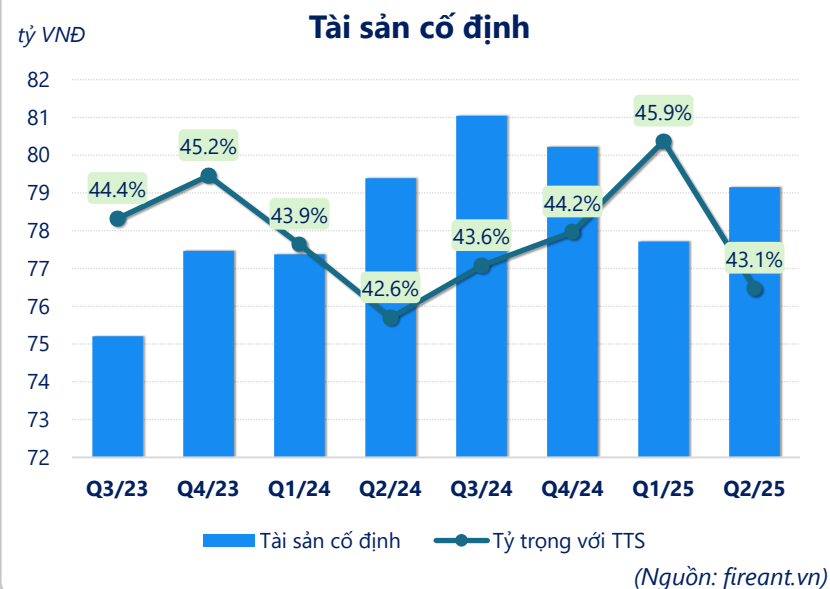
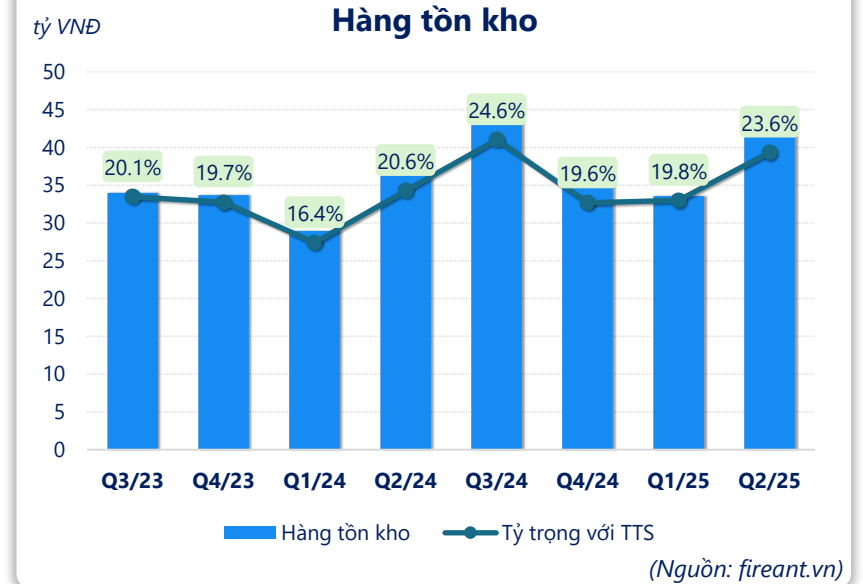
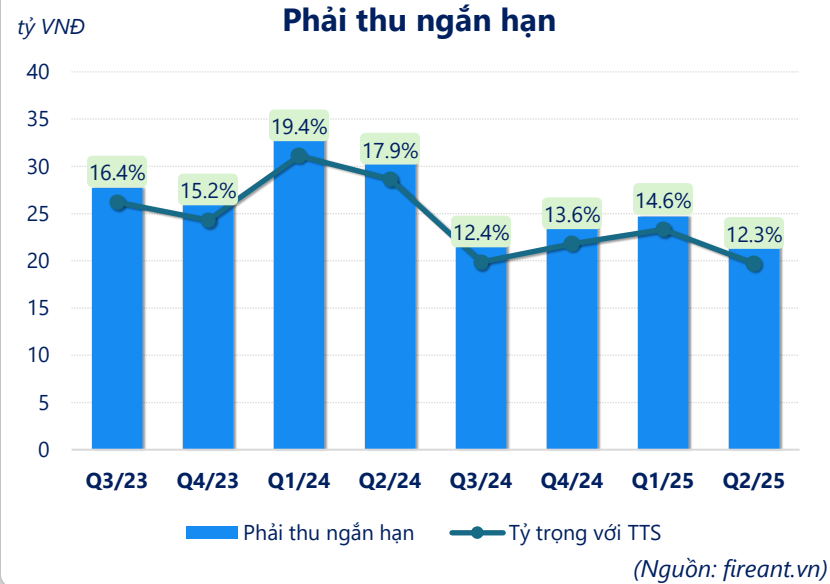
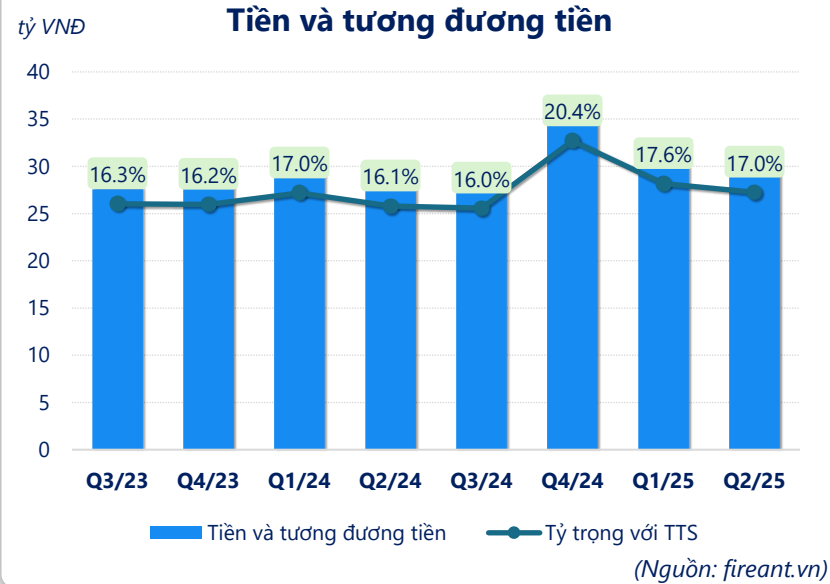
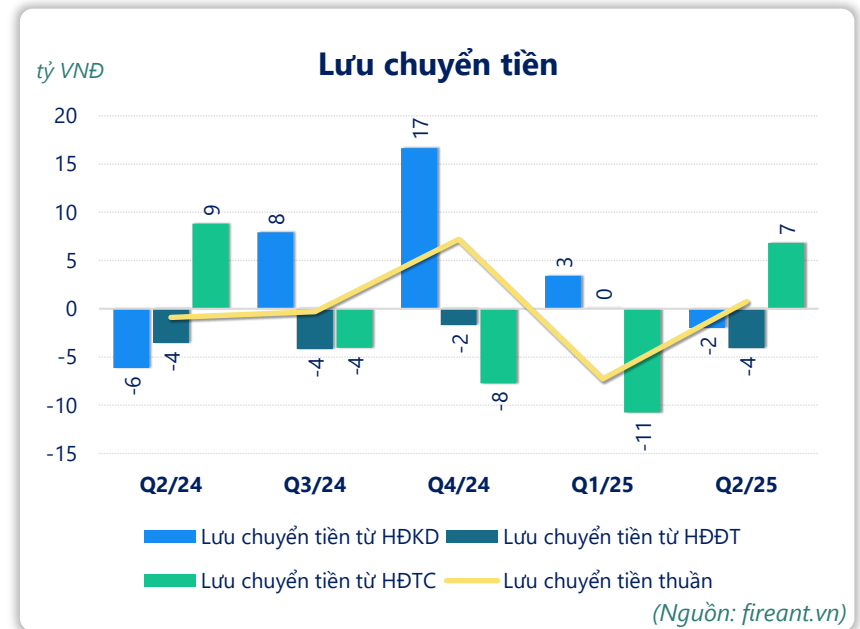
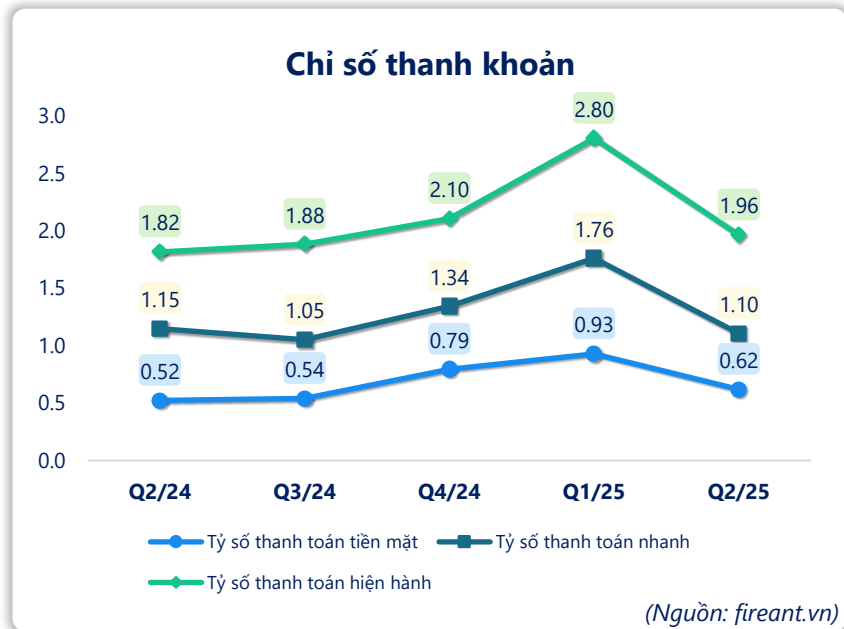
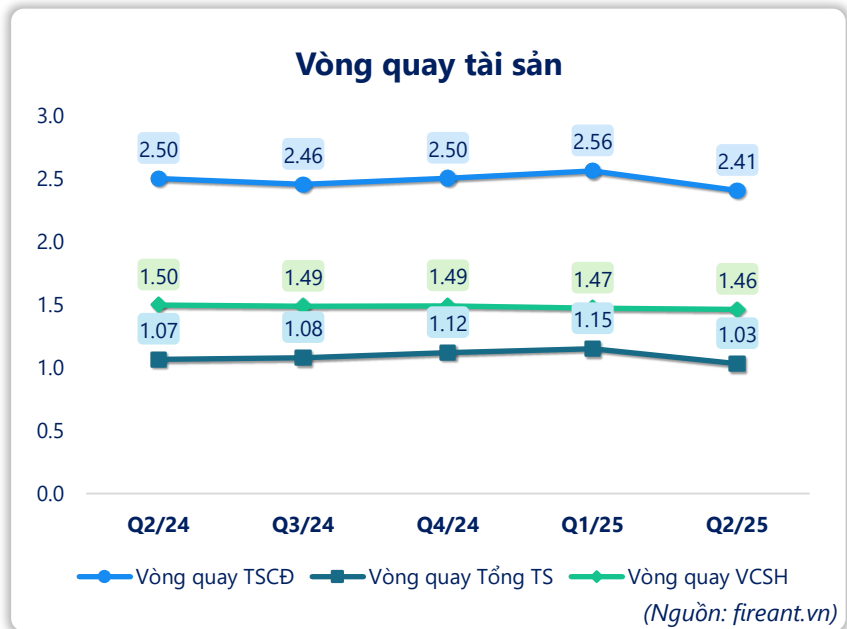
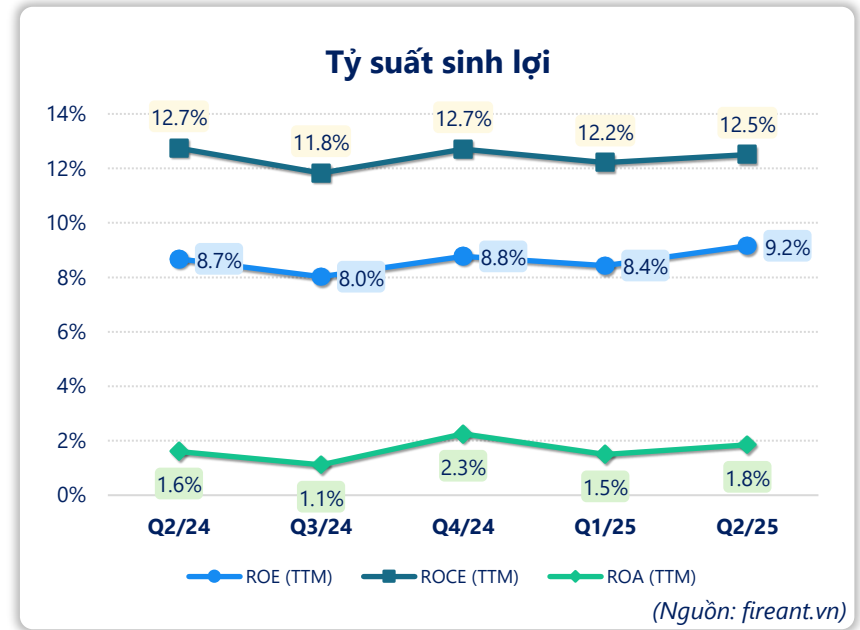
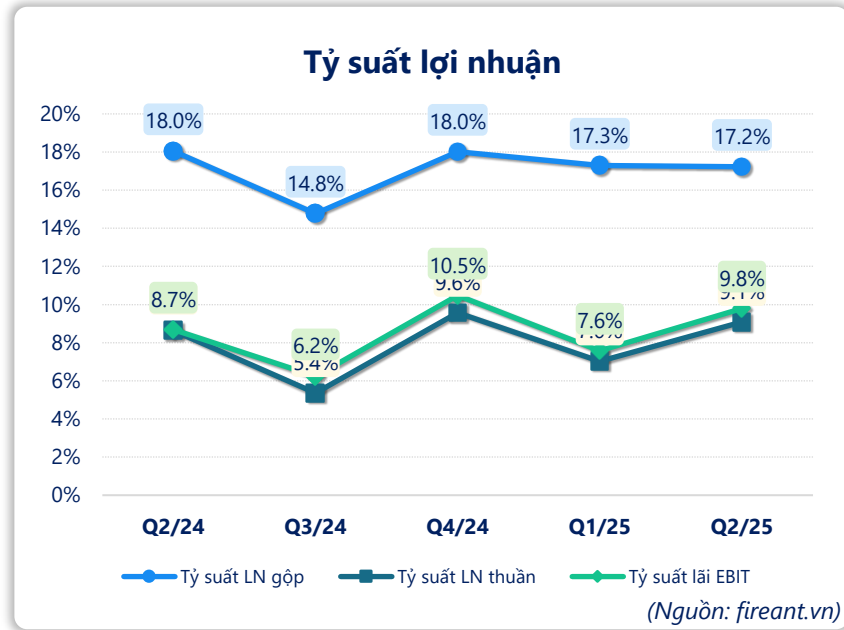
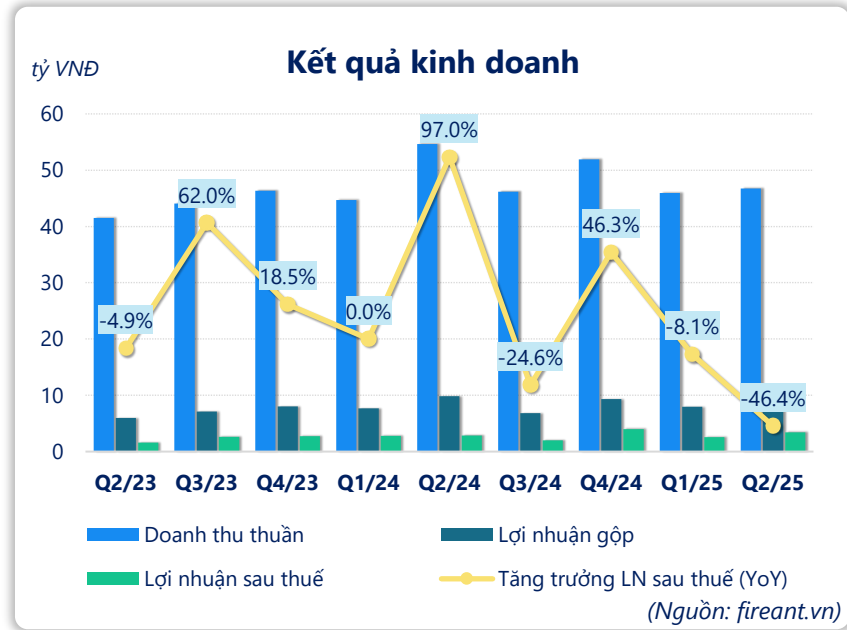


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,490
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,263
SL cổ phiếu LH		8,151,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		143
P/E		12.0
EPS		1,466

	YTD	1T	3T	6T
DTT	-11.4%	4.5%	14.6%	8.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	184	181	1.1%
Tài sản ngắn hạn	99.2	98.1	1.1%
Tiền và tương đương tiền	31.3	37.1	-15.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	22.6	24.7	-8.4%
Hàng tồn kho	43.4	35.5	22.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.93	0.82	135%
Tài sản dài hạn	84.4	83.3	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	79.2	80.2	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.20	3.13	66.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.0	47.2	8.1%
Nợ ngắn hạn	50.5	46.7	8.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.0	27.9	-14.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.40	5.95	41.2%
Nợ dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	132	134	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	132	134	-1.3%
Vốn điều lệ	81.5	81.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	54.6	46.2	51.9	46.0	46.7
Giá vốn hàng bán	44.8	39.4	42.6	38.0	38.7
Lợi nhuận gộp	9.86	6.82	9.35	7.95	8.05
Doanh thu HĐTC	0.92	0.02	0.23	0.05	0.78
Chi phí TC	0.93	0.48	0.49	0.28	0.31
Chi phí lãi vay	0.31	0.40	0.47	0.26	0.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.86	2.52	2.68	2.49	2.63
Chi phí QLDN	2.26	1.36	1.44	2.00	1.63
LN thuần từ HĐKD	4.72	2.47	4.97	3.23	4.25
Lợi nhuận khác	-0.28	0.00	0.00	0	0.02
LN trước thuế	4.43	2.48	4.97	3.23	4.26
Lợi nhuận sau thuế	2.84	1.98	3.97	2.58	3.41
LNST của CĐ cty mẹ	2.84	1.98	3.97	2.58	3.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.14	7.92	16.6	3.42	-1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.56	-4.18	-1.71	0.05	-4.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.80	-4.05	-7.74	-10.7	6.82
Tiền đầu kỳ	29.9	30.1	29.7	37.1	29.8
Lưu chuyển tiền thuần	-0.89	-0.31	7.20	-7.27	0.75
Ảnh hưởng tỷ giá	1.05	0	0.16	0	0.69
Tiền cuối kỳ	30.1	29.7	37.1	29.8	31.3

(Nguồn: fireant.vn)